

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ -TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông

Bà Trần Thị Kim Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Cẩm Linh— Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Anh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 198/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị G, sinh năm 1991. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khốiphố T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Nơi ở hiện tại: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1988. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khốiphố T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam

Nơi ở hiện tại: Khốiphố C, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị G trình bày:

Bà và ông T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, không đưa tiền cho bà lo cho gia đình, chỉ lo chơi cờ bạc thâu đêm, suốt sáng, có lúc cầm cổ xe, bán xe cho người khác và vay mượn tiền khắp nơi. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không

nghe, không thay đổi mà còn đòi đánh đập bà, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không hạnh phúc. Nay bà không còn tình cảm với ông T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/5/2012 và Nguyễn Khánh Th, sinh ngày 06/7/2020. Nguyên vọng của bà khi ly hôn là được nuôi 02 con đến đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải...) nhưng ông T không đến Tòa để giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà G.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Thuận đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là không thực hiện các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 58 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không hợp tác, vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và các phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị G và ông Nguyễn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của bà G và ông T là hợp pháp.

Theo trình bày của bà G thì trong quá trình chung sống vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, không đưa tiền cho bà lo cho gia đình mà chỉ lo chơi cờ bạc thâu đêm suốt sáng và vay mượn tiền khắp nơi. Bà G đã nhiều lần khuyên nhủ

nhưng ông T không nghe, không thay đổi mà còn đòi đánh đập bà, nên hôn nhân của vợ chồng bà không có hạnh phúc. Nay bà không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Quá trình giải quyết vụ án, ông T đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và ông T cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà G, thể hiện ông T không có thiện chí hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà G và ông T đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà G được ly hôn với ông T là đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng bà G và ông T có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/5/2012 và Nguyễn Khánh Th, sinh ngày 06/7/2020. Nguyên vọng của bà G khi ly hôn là được nuôi 02 con đến đủ 18 tuổi, bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay bà G có công việc và thu nhập ổn định, có thời gian và điều kiện chăm sóc các con và cháu T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, nên giao hai con cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi hai con đủ 18 tuổi, là phù hợp với Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do ông T không đến Tòa án và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị G về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” đối với bị đơn ông Nguyễn T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị G được ly hôn với ông Nguyễn T.

Về nuôi con chung: Giao hai con Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/5/2012 và Nguyễn Khánh Th, sinh ngày 06/7/2020 cho bà Võ Thị G được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi hai con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bà Võ Thị G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng bà G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005490 ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh, thành phố;
- Chi cục THA TP.Tam Kỳ;
- UBND phường T, Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Vân

